

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 17 tháng 9 năm 2021

Về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm và ông Hoàng Văn Lang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mã Thị V**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh TQ. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh TQ. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Mã Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, huyện NH, tỉnh TQ vào năm 2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng vài năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trung theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu: Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/12/2015 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/8/2017. Chị V đề nghị để anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị V xác định, chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về nội dung việc kết hôn như chị V đã trình bày là đúng thực tế, cụ thể:

Anh và chị Mã Thị V qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, huyện NH, tỉnh TQ vào năm 2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng vài năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, năm 2019 chị V đi làm công ty, được một thời gian chị V không về nhà nữa. Thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không liên lạc gì với nhau, chị Vận chặn số không liên lạc với anh, giữa hai vợ chồng cũng không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại biên bản ghi lời khai, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị V đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V có đơn đề nghị xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Mã Thị V có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/12/2015 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/8/2017. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không đề nghị chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung; nợ chung: Anh T xác định anh và chị V không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện

kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất; Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị V xử cho chị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/12/2015 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/8/2017 cho anh Mã Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mã Thị V và anh Nguyễn Văn T cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Mã Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân của đương sự (bản phô tô); Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh Đ (Bản sao); sổ hộ khẩu (Bản phô tô); Giấy xác nhận hộ khẩu.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; bị đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn NT, xã CL; xác minh tại Công an xã CL, huyện NH.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T nhưng anh T không đến tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Mã Thị V và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, huyện NH, tỉnh TQ là hôn nhân hợp pháp; Chị V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh TQ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh T, đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T và thông báo anh T đến tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không có mặt, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Mã Thị V và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, huyện NH, tỉnh TQ là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 11/2019 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Chị V đề nghị ly hôn anh T cũng nhất trí ly hôn.

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh tại Thôn NT, xã CL, huyện NH, tỉnh TQ có cơ sở xác định giữa chị V và anh T có xảy ra mâu thuẫn, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 11/2019 cho đến nay là đúng thực tế; mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã xảy ra từ lâu. Cả hai cùng xác định từ lâu hai vợ chồng không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, cho đến nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị V. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Mã Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị V và anh T sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/12/2015 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/8/2017, Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị V cũng nhất trí để anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn NT, xã CL, thể hiện: Chị V và anh T trước khi sống ly thân ở chung với bố mẹ anh T. Hiện nay chị V thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có chỗ ở ổn định vì vậy không đảm bảo các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh Nguyễn Văn T hiện nay ở nhà bán hàng có mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Thực tế hiện nay cháu N và cháu Đ đang ở cùng anh T tại nhà bố mẹ anh T, bố mẹ anh vẫn thường xuyên giúp đỡ anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón các cháu đi học cũng như sinh hoạt hàng ngày, các cháu vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, anh T đảm bảo về điều kiện chỗ ở cũng như kinh tế để nuôi con chung.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh Đ cần giao cả 02 con chung cho anh

Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như ý kiến của các bên đương sự. Do anh T không đề nghị chị V cấp dưỡng nên chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết chị Mã Thị V và anh Nguyễn Văn T cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Mã Thị V.

1. Về hôn nhân: Cho chị Mã Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/12/2015 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/8/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Mã Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Mã Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0002250, ngày 23/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã CL (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quan Văn Ngụ Lương Quang Toán

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Ngọc Thức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Toán

Đỗ Mai Sơn

Triệu Ngọc Thúc

.